

Bản án số: 94/2026/HS-ST
Ngày 15/7/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Quế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sự;

Ông Chu Minh Đôn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Long Thu Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2026/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1985 tại Nghệ An. Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Tạ Thị C (chết); bị cáo có vợ tên Hồ Thị H; bị cáo có 02 người con lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 22 tháng 8 năm 2025 đến ngày 19 tháng 11 năm 2025, được thay đổi biện pháp ngăn chặn áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 19 tháng 11 năm 2025 cho đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn N**, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1998 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: Khu vực L, phường T, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (chết) và bà Trương Thị D; bị cáo chưa có vợ; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2025 cho đến nay tại Trại tạm giam B - Cơ sở 2. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn H1**, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1995 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: Khu vực L, phường T, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T2; bị cáo có vợ tên Hà Thị B; bị cáo có 02 con lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/4/2020, Công an quận T, thành phố Cần Thơ xử phạt hành chính theo Quyết định số 21493/QĐ về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong ngày 23/4/2020.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2025 cho đến nay tại Trại tạm giam B - Cơ sở 2. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Võ Xuân G**, sinh ngày 14 tháng 7 năm 1998 tại Quảng Trị. Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Xuân D1 (chết) và bà Võ Thị H2; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Hồng L1; bị cáo có 02 con lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2025; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2025 cho đến nay tại Trại tạm giam B - Cơ sở 2. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Hà Văn A**, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2001 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: Khu vực L, phường T, thành phố Cần Thơ; Nơi ở hiện tại: Khu phố T, phường C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T3 (chết) và bà Hà Thị X; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị O; bị cáo có 01 con sinh năm 2024; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2025 cho đến nay tại Trại tạm giam B - Cơ sở 2. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Trương Văn Q**, sinh ngày 04 tháng 6 năm 1987 tại Hà Tĩnh. Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Minh T4 (chết) và bà Nguyễn Thị C1; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị T5; bị cáo có 03 con lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 22 tháng 8 năm 2025 đến ngày 19 tháng 11 năm 2025, được thay đổi biện pháp ngăn chặn áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 19 tháng 11 năm 2025 cho đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Lương Đàm T6**, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1994 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp S, xã Đ, tỉnh Đồng Nai; Nơi ở hiện tại: Nhà T, tổ C, khu phố

B, phường C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn V (chết) và bà Đàm Thị S; bị cáo chưa có vợ; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2025 cho đến nay tại Trại tạm giam B - Cơ sở 2. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn Á, Nguyễn Văn H1, Lương Đàm T6:*
Ông Nguyễn Đình C2 - Luật sư Văn phòng L2, Đoàn luật sư tỉnh Đ. (Có mặt)

- *Bị hại:*

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Khu vực L, phường T, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

2. Ông Phạm Văn B1, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông Võ Văn H4, sinh ngày 13/11/2001. (Vắng mặt)

2. Ông Phạm Văn S1, sinh ngày 12/7/1989. (Vắng mặt)

3. Ông Lê Đình C3, sinh ngày 27/01/1991. (Vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Anh T7, sinh ngày 24/6/2005. (Vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Văn T8, sinh ngày 16/04/1996. (Vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Khắc H5, sinh năm 1975. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 21/8/2025, Nguyễn Văn N, Hà Văn Á, Võ Xuân G, Lương Đàm T6, Nguyễn Văn H1 cùng 01 người bạn đến quán ăn T11 thuộc ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh để ăn, uống bia tại phòng số 101. Khoảng hơn 11 giờ 00 ngày 21/8/2025, Nguyễn Văn L cùng với Trương Văn Q, Võ Văn H4 cùng với 05 người khác đến quán T9 Ký ẩu, uống bia tại chòi số 13. Đến khoảng 11 giờ 20 cùng ngày, H4 thấy Nguyễn Văn N (là bạn bè quen biết ngoài xã hội với H4) đi từ nhà vệ sinh của quán ra nên gọi N đến bàn và mời uống bia. Ngoán đến chòi số 13, mượn ly bia của H4 mời mọi người trong bàn. Sau khi cả nhóm uống hết bia trong ly nhưng N vẫn cầm ly chưa uống. Ngoán hỏi H4: “*Ông này là đại ca của mày hả*”, H4 trả lời: “*Không phải đâu, anh em làm chung*”. Sau đó N nhìn L và nói “*Sao mặt anh căng vậy*” rồi L đáp “*Có gì đâu mà căng*”, N chỉ tay và nói “*Anh có thích căng không*”. L bực tức nên cầm ly đang uống bia bằng thủy tinh ném trúng gò má bên trái của N chảy máu. Ngoán đi về phòng 101 của quán ăn T11

và nói “*Bàn ngoài kia chọi tao cái ly hình như téc cái đầu rồi Á ơi*”. Thấy N bị thương, chảy máu vùng mặt nên Á, H1, T6 đứng dậy đi ra ngoài tìm gặp nhóm đã gây thương tích cho N. Ra tới ngoài, Á hỏi N “*Ai*” thì N chỉ tay về phía chòi lá nơi bàn của nhóm L đang ngồi. Cùng lúc này, G từ nhà vệ sinh cũng đi đến bàn của L. Khi đến nơi, H1 nói “*Thằng nào đánh em tao*”. Lúc này, Q đứng dậy định can ngăn thì bị H1 đập vào bụng Q khiến Q bị ngã. Sau đó, Q và L lao vào đánh nhau với nhóm N, Á, H1, T6, G. Trong lúc hai bên xô xát, Hà Văn Á sử dụng 03 ly thủy tinh, ghế gỗ để ném vào phía của L, Q. Còn Nguyễn Văn H1 dùng ghế gỗ ném, sau đó sử dụng kệ đỡ bằng inox dùng để đựng xô đá để ném, về phía nhóm bị cáo L, Q nhưng không trúng. Lương Đàm T6 dùng ghế nhựa ném vào nhóm người của L và Q, dùng tay đánh Q 02 cái. Võ Xuân G dùng ghế nhựa để ném vào phía nhóm của L, sử dụng tay đánh vào L 01 cái. Thấy vậy, L dùng ghế nhựa để ném về phía nhóm của N, Trương Văn Q sử dụng ghế gỗ, ghế nhựa, ly thủy tinh để ném, đánh về phía Ngoán. Cùng lúc đó, Nguyễn Văn N chạy vào trong phòng cầm đĩa định xông ra đánh trả nhóm của L nhưng không được nên dùng tay lôi kéo, xô đẩy, sau đó Q và L bỏ chạy ra ngoài đường. Thấy vậy, nhóm của các bị cáo Á, N, H1, T6, G rượt đuổi theo, chạy được 50m Ân vào trong tiệm sửa xe nhặt ống tuýp sắt, tua vít cầm theo tiếp tục đuổi theo nhóm của L, H1 nhặt một cục đá cầm theo trong lúc rượt đuổi Q, L. Khi rượt đuổi trên đường T khoảng 100m thì không đuổi kịp nên cả nhóm giải tán. Quá trình ẩu đả, nhóm các đối tượng nêu trên có lời lẽ chửi bới, la hét lớn tiếng làm nhiều người xung quanh hoảng sợ.

Theo Công văn số 371 ngày 28/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã T xác định khu vực xảy ra vụ án trên là nơi tập trung đông người, có nhiều người và phương tiện thường xuyên qua lại, vụ việc trên gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng cho hộ dân đang sinh sống và kinh doanh tại khu vực xảy ra vụ việc. Vì vậy, đề nghị Công an xã T xử lý theo đúng quy định của pháp luật nhằm trấn an dư luận xã hội và răn đe, giáo dục về ý thức chấp hành quy định nhà nước, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Theo Kết luận giám định số 18/2026/KLTTCT-PY-CS2 ngày 21/01/2026 của Trung tâm pháp y – Sở y tế Thành phố H kết luận thương tích của Nguyễn Văn N như sau:

1. Các kết quả chính:

- Vết sẹo vùng má trái 4,2 x 0,1cm.

Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 03% (Ba phần trăm)

- Vết sẹo cung mày trái 2,2 x 0,1cm.

Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 03% (Ba phần trăm)

- Gãy cung tiếp xương gò má trái đã can.

Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 10% (Mười phần trăm)

- Gãy thành trước xoang hàm trái đã can.

Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 07% (Bảy phần trăm)

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của:

Nguyễn Văn N tại thời điểm giám định là: 21% (Hai mươi một phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Cơ chế hình thành thương tích: Sẹo vùng má trái, sẹo cung mày trái, gãy cung tiếp xương gò má trái, gãy thành trước xoang hàm trái: Sẹo có bờ nham nhở, khả năng do vật tày gây ra.

Theo Kết luận giám định số 17/2026/KLTTCT-PYHCM-CS2 kết luận đối với thương tích của Nguyễn Văn L như sau:

Các kết quả chính: Vết sẹo vùng đỉnh đầu 2 x 0,3cm. Có tỷ lệ tổn thương cơ thể 1%.

Kết luận: Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của: Nguyễn Văn L tại thời điểm giám định là: 01% (Một phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Cơ chế hình thành thương tích: Vết sẹo vùng đỉnh đầu, sẹo có bờ không sắc gọn, khả năng do vật tày gây ra.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: 01 (một) ống inox hình trụ dài 34cm; 01 (một) tua vít cán nhựa lưỡi bằng kim loại dài 24cm; 01 (một) giá đựng xô nước đá bằng inox, ba chân; 01 (một) ghế nhựa bốn chân màu vàng, bị gãy, 02 (hai) ly uống bia bị vỡ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn N không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn L bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Cáo trạng số 137/CT-VKSKV19 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Lương Đàm T6, Võ Xuân G, Hà Văn Â, Trương Văn Q, Nguyễn Văn H1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 (viết tắt là Bộ luật Hình sự). Truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 (viết tắt là Bộ luật Hình sự) và tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Liên T10 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Liên T10 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 xử phạt bị cáo Võ Xuân G từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 xử phạt bị cáo Hà Văn Á từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 xử phạt bị cáo Trương Văn Q từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 xử phạt bị cáo Lương Đàm T6 từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn N không yêu cầu bồi thường do lỗi một phần của mình nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: 01 ống inox hình trụ dài 34cm, 01 tua vít cán nhựa lưỡi bằng kim loại dài 24cm; 01 giá đựng xô nước đá bằng inox, ba chân; 01 ghế nhựa bốn chân màu vàng, bị gãy, 02 ly uống bia bị vỡ không còn giá trị sử dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Trong phần tranh luận:

Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn Á, Nguyễn Văn H1, Lương Đàm T6 là ông Nguyễn Đình C2 trình bày: Thống nhất với tội danh và tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm về nguyên nhân mâu thuẫn giữa các bị cáo là do L đánh N, N là bạn của các bị cáo Á, H1 và T6 nên mới xảy ra sự việc. Hành vi của các bị cáo là do bộc phát, các bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo. Về việc truy tố các bị cáo theo điểm b khoản 2, Điều 318 của Bộ luật

Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vì các bị cáo có hành vi gây mất an ninh trật tự tại địa phương, có dùng hung khí nhưng bắt nguồn từ sự bộc phát, các vật dụng là vật có sẵn tại nơi xảy ra sự việc như bị cáo H1 dùng ghế gỗ ném, Á dùng ly thủy tinh ném, T6 chỉ ném ghế nhựa nhưng không trúng ai nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo chỉ vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xem xét thêm về hoàn cảnh của các bị cáo như các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo T6 là người dân tộc thiểu số, bị cáo Á không biết chữ nên về nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm cho các bị cáo tình tiết phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo H1 có tiền sự nhưng đã được xóa là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn N, Lương Đàm T6, Võ Xuân G, Hà Văn Á, Trương Văn Q, Nguyễn Văn H1 cho rằng Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 là đúng người, đúng tội. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, bồi thường và biện pháp tư pháp.

Bị cáo Nguyễn Văn L cho rằng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 và tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 là đúng người, đúng tội. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, bồi thường và biện pháp tư pháp.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận với người bào chữa cho bị cáo Hà Văn Á, Nguyễn Văn H1, Lương Đàm T6: Ba bị cáo tham gia tích cực như rượt đuổi trên đường, có cầm gạch đá, tua vít, bị cáo T6 tuy có sức khỏe yếu nhưng vẫn tham gia tích cực như đánh bị cáo Trương Văn Q. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự nên đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn N, Lương Đàm T6, Võ Xuân G, Hà Văn Á, Trương Văn Q, Nguyễn Văn H1 nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H1, Võ Xuân G, Hà Văn Á, Trương Văn Q, Lương Đàm T6 đã khai nhận: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 21/8/2025 tại quán ăn T11 thuộc ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H1, Võ Xuân G, Hà Văn Á, Trương Văn Q, Lương Đàm T6 có hành vi dùng ly uống bia, ghế gỗ, ghế nhựa, kệ inox để ném nhau, sau đó sử dụng ống tuýp sắt, 01 tua vít, cán xẻng, đá để rượt đuổi nhau ngoài đường. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Văn L có hành vi sử dụng 01 ly thủy tinh ném vào gò má trái của Nguyễn Văn N, gây nên thương tích 21%. Hành vi của bị cáo L đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2, Điều 134 Bộ luật Hình sự. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, khu vực xảy ra vụ án là nơi tập trung đông người, có nhiều người và phương tiện thường xuyên qua lại, vụ việc gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng cho hộ dân đang sinh sống và kinh doanh tại khu vực xảy ra vụ án. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Đối với bị cáo Nguyễn Văn L về nhận thức bị cáo biết hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo dùng ly thủy tinh là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại Nguyễn Văn N với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 21%. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[4] Như vậy, Cáo trạng số 137/CT-VKSKV19 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Lương Đàm T6, Võ Xuân G, Hà Văn Á, Trương Văn Q, Nguyễn Văn H1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Cố

ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2, Điều 134 của Bộ luật Hình sự và tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Tội phạm do các bị cáo thực hiện không những đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, thể hiện sự coi thường pháp luật của các bị cáo. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn N, Lương Đàm T6, Võ Xuân G, Hà Văn Â, Trương Văn Q, Nguyễn Văn H1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trương Văn Q có cha là ông Trương Minh T4 là người có công với cách mạng, bị cáo T6 là người dân tộc thiểu số, bị cáo Â không biết chữ nên nhận thức về pháp luật có phần hạn chế, bị cáo L được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho các bị cáo Q, Â, T6, L để giảm một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước mà an tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Trong đó, các bị cáo Nguyễn Văn N, Lương Đàm T6, Võ Xuân G, Hà Văn Â, Nguyễn Văn H1 là những người trực tiếp đập phá tài sản trong quán ăn T11 và sử dụng hung khí rượt đuổi bị cáo Nguyễn Văn L, Trương Văn Q trên đường T. Do vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét vai trò của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Lương Đàm T6, Võ Xuân G, Hà Văn Â, Trương Văn Q, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn L là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo Hà Văn Â, Nguyễn Văn H1, Lương Đàm T6 đề nghị áp dụng tình tiết phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo không sử dụng hung khí nguy hiểm nên chỉ vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều

54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn N không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn L bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về việc xử lý vật chứng: 01 ống inox hình trụ dài 34cm, 01 tua vít cán nhựa lưỡi bằng kim loại dài 24cm; 01 giá đựng xô nước đá bằng inox, ba chân; 01 ghế nhựa bốn chân màu vàng, bị gãy, 02 ly uống bia bị vỡ không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 50, Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 292, Điều 293, Điều 326, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” và tội “Cố ý gây thương tích”. Các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H1, Võ Xuân G, Hà Văn Á, Trương Văn Q, Lương Đàm T6 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2025 đến ngày 19/11/2025.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày 22/8/2025.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày 22/8/2025.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Võ Xuân G 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày 22/8/2025.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Hà Văn A 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày 22/8/2025.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trương Văn Q năm 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2025 đến ngày 19/11/2025.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lương Đàm T6 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày 22/8/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn N không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn L bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) ống inox hình trụ dài 34cm, 01 (một) tua vít cán nhựa lưỡi bằng kim loại dài 24cm; 01 (một) giá đựng xô nước đá bằng inox, ba chân (bị cong vênh); 01 (một) ghế nhựa bốn chân màu vàng, bị gãy; 02 (hai) ly uống bia bị vỡ.

(Thể hiện tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh)

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc: Các bị cáo Nguyễn Văn N, Lương Đàm T6, Võ Xuân G, Hà Văn A, Trương Văn Q, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND khu vực 19-Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh; (2)
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Phòng PV06 Công an Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Bị cáo; (7)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; (2)
- Lưu hồ sơ, VP. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Bùi Văn Quế**